TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và ông Võ Kỳ Tùng

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Ngọc Thuý Loan - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:Bà Hoàng Thị Vi Phương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Vũ N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Huyền T, sinh năm 1992

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: Thôn PP, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên

3. Người làm chứng: Vợ chồng ông Trương Văn Q, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn PP, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt;

Người làm chứng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020, bản tự khai và đơn xin toà án xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Đinh Vũ N trình bày: Anh N và chị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên kình cãi về việc chị T sử dụng tài sản chung của vợ chồng mà không nói với anh N, nhiều lần

anh N hỏi nhưng chị T không nói được là sử dụng tài sản chung vợ chồng vào mục đích gì; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh N và chị T không còn chung sống từ tháng 04 năm 2019 cho đến nay. Anh N và chị T không còn tình cảm với nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Đinh Vũ N thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thiên T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đinh Thiên N1, sinh ngày 20/2/2018, hiện cháu T1 đang sống với anh N, cháu N1 đang sống với chị T. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi cháu T1, yêu cầu chị T nuôi cháu N1, anh N không yêu cầu cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, tại bản tự khai và đơn xin toà án xét xử vắng mặt đề ngày 17/9/2021 chị Trương Thị Huyền T trình bày: Chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên cách đây khoảng 8 năm, chị không nhớ rõ năm nào. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do những bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau thường xuyên; vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã không sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh N khai cháu Đinh Thiên T1 đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đinh Thiên N1 đang do tôi và cha mẹ tôi nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh N nuôi cháu T1, chị T nuôi cháu N1, chị T không yêu cầu cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người làm chứng vắng mặt tại phiên toà, tại biên bản xác minh ngày 15/3/2021, biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021, vợ chồng ông Trương Văn Q và bà Huỳnh Thị M trình bày: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đinh Vũ N và chị Trương Thị Huyền T như thế nào ông Q không biết; do chị T đi làm xa nên hiện tại cháu Đinh Thiên N1 đang do vợ chồng ông Q, bà M nuôi dưỡng; chị T có gọi điện thoại về nói với vợ chồng ông Q, bà M nếu toà án giải quyết ly hôn thì chị T đồng ý nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung; trong trường hợp chị T, anh N không nhận nuôi dưỡng cháu N1 thì vợ chồng ông Q, bà M nhận nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu cấp dưỡng định kỳ nuôi cháu N1.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn, bị đơn đã có đơn yêu cầu toà án xét xử vắng mặt được quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS; người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên trước đó họ đã có lời khai trực tiếp với Toà án và sự

vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án được quy định tại Điều 229 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao cháu Đinh Thiên T1, sinh ngày 16/9/2015 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Đinh Thiên N1, sinh ngày 20/2/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Anh N, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh N, chị T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phước Lương, xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu toà án xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà, nhưng trước đó họ đã có lời khai trực tiếp tại toà án và sự và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án được quy định tại khoản 2 Điều 229 BLTTDS; Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Vũ N và chị Trương Thị Huyền T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn ngày 01/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh N trình bày, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T sử dụng tài sản chung của vợ chồng nhưng không nói với anh N là sử dụng cho mục đích gì, dẫn đến vợ chồng xảy ra kình cãi; từ tháng 04/2019 đến nay vợ chồng không còn sống chung nên yêu cầu toà án giải quyết ly hôn.

Theo chị T trình bày, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên kinh cãi; từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung nên anh N yêu cầu toà án giải quyết ly hôn, chị T đồng ý.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh N và chị T là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ

chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho anh N được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh N và chị T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thiên T1, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đinh Thiên N1, sinh ngày 20/2/2018, hiện cháu T1 đang sống với anh N, cháu N1 đang sống với chị T và cha mẹ chị T là vợ chồng ông Q, bà M. Khi ly hôn anh N, chị T thống nhất anh N nuôi cháu T1, chị T nuôi cháu N1; anh N, chị T không yêu cầu cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Xét thấy, thời gian vợ chồng không sống chung, anh N nuôi dưỡng cháu T1 và chị T nuôi dưỡng cháu N1 bảo đảm sự phát triển bình thường của các cháu nên tiếp tục giao cháu T1 cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu N1 cho chị T nuôi dưỡng; Ngoài ra, anh N, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N, chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: N đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định, nhưng được khấu trừ vì đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Vũ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Vũ N được ly hôn với chị Trương Thị Huyền T.

2. Về con chung:

- Giao anh Đinh Vũ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thiên T1, sinh ngày 16/9/2015 (cháu T1 đang sống với anh N).

- Giao chị Trương Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thiên N1, sinh ngày 20/2/2018 (cháu N1 đang sống với chị T).

- Anh Đinh Vũ N, chị Trương Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí:

- Anh Đinh Vũ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004485 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã An Cư, H. Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Tùng